

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2015  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

# MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015</b>	<b>1 - 4</b>
<b>2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015</b>	<b>5</b>
<b>3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015</b>	<b>6 - 7</b>
<b>4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015</b>	<b>8 - 29</b>

\*\*\*\*\*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>992.936.279.167</b>	<b>717.366.223.540</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>15.558.653.641</b>	<b>210.793.475.252</b>
1. Tiền		111		15.558.653.641	8.793.475.252
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	202.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>		-	-
1. Kinh doanh chứng khoán		121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		122	V.3	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>591.676.412.398</b>	<b>360.911.273.015</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.4	93.402.822.442	120.379.236.215
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.5	361.612.913.871	211.207.574.141
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		79.866.967.860	-
6. Các khoản phải thu khác		136	V.6	58.089.775.363	29.504.474.377
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		137	V.7	(1.296.067.138)	(180.011.718)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>		<b>372.850.647.510</b>	<b>120.179.885.072</b>
1. Hàng tồn kho		141	V.8	372.850.647.510	120.179.885.072
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>12.850.565.618</b>	<b>25.481.590.201</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9	12.850.565.618	25.481.590.201
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		<b>1.447.720.137.765</b>	<b>1.436.803.631.105</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>210</b>		<b>2.105.776.077</b>	<b>3.105.776.077</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	V.10	2.105.776.077	3.105.776.077
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.233.474.842.123</b>	<b>1.246.848.179.856</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.227.187.949.250	1.240.348.976.104
<i>Nguyên giá</i>	222		2.351.026.629.909	2.284.979.762.178
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.123.838.680.659)	(1.044.630.786.074)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	6.286.892.873	6.499.203.752
<i>Nguyên giá</i>	228		14.750.860.332	14.596.060.332
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.463.967.459)	(8.096.856.580)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>81.844.391.820</b>	<b>60.021.949.769</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	81.844.391.820	60.021.949.769
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>99.876.753.503</b>	<b>100.205.296.956</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	70.967.611.048	70.967.611.048
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	47.033.790.000	47.033.790.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	15.490.700.000	15.490.700.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.17	(33.615.347.545)	(33.286.804.092)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>30.418.374.242</b>	<b>26.622.428.447</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	27.649.777.746	26.622.428.447
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.768.596.496	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.440.656.416.932</b>	<b>2.154.169.854.645</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>960.677.191.126</b>	<b>684.139.054.085</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>907.090.400.953</b>	<b>628.065.942.557</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.29	32.450.414.108	51.907.094.068
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.20	8.900.764.000	330.604.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.21	6.471.593.803	16.677.733.330
4. Phải trả người lao động	314		4.321.698.461	15.254.380.468
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	31.262.942.080	4.159.000.032
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	20.262.762.010	15.535.527.617
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	734.103.709.294	457.737.420.630
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	69.316.517.197	66.464.182.412
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>53.586.790.173</b>	<b>56.073.111.528</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
6. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.26	-	2.000.000.000
8. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.28	-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.27	53.586.790.173	54.073.111.528
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.479.979.225.806</b>	<b>1.470.030.800.560</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.479.345.917.549</b>	<b>1.469.192.092.303</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.28	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	180.176.411.784	180.276.411.784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.28	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.28	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015


8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.28	565.360.841.491	557.120.085.592
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.28	-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	V.28	20.001.970.576	31.795.594.927
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.806.693.698	
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>633.308.257</b>	<b>838.708.257</b>
1.	Nguồn kinh phí	431	V.29	549.973.593	755.373.593
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.30	83.334.664	83.334.664
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.440.656.416.932</b>	<b>2.154.169.854.645</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.34	19.459.985.000	229.150.860.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.35	1.594.806.581	1.565.227.263
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		894,33	2.645,00
Euro (EUR)		104,80	-

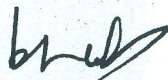
Lập ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý II - 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	383.005.573.677	363.006.066.502	671.862.730.935	730.996.860.983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	(58.640.000.000)	-	702.144.900	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	441.645.573.677	363.006.066.502	671.160.586.035	730.996.860.983
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	401.306.758.498	310.568.961.769	600.565.374.193	627.695.556.391
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.338.815.179	52.437.104.733	70.595.211.842	103.301.304.592
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.754.845.543	40.159.563	4.019.072.722	125.010.871
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.619.029.040	17.999.036.409	17.616.352.997	34.292.583.682
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.290.011.729	14.688.886.458	17.286.936.326	26.724.720.481
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	11.157.589.694	4.070.669.511	21.818.450.415	8.201.638.882
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.225.454.127	12.957.005.529	15.174.791.849	20.695.269.601
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.091.587.861	17.450.552.847	20.004.689.303	40.236.823.298
11. Thu nhập khác	31	VI.7	(125.427.929)	1.944.011.672	1.278.118.306	2.068.636.467
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.773.884.692	1.067.091.470	2.751.656.756	2.164.292.510
13. Lợi nhuận khác	40		(1.899.312.621)	876.920.202	(1.473.538.450)	(95.656.043)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.192.275.240	18.327.473.049	18.531.150.853	40.141.167.255
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	51	V.24	2.632.847.921	4.497.552.616	4.724.457.155	9.323.896.079
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn	52				-	(395.548)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.559.427.319	13.829.920.433	13.806.693.698	30.817.666.724

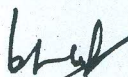
Lập ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu



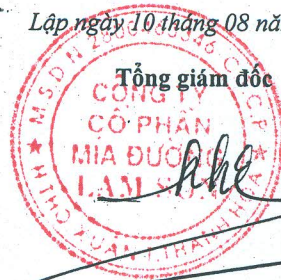
Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II - 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.531.150.853	40.141.167.255
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		61.498.271.154	83.199.655.698
- Các khoản dự phòng	03		328.543.453	3.678.537.913
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.905.978.884)	2.175.794.132
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	17.286.936.326	26.724.720.481
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		93.738.922.902	155.919.875.479
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(178.621.711.875)	(68.331.623.481)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(250.283.113.580)	(233.367.378.389)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(36.868.849.313)	(40.867.715.948)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		11.759.425.284	16.907.063.915
- Tiền lãi vay đã trả	13		(18.130.870.217)	(13.791.424.044)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.616.551.699)	(7.761.550.066)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		188.800.000	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.982.469.043)	(300.239.283)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(388.816.417.541)</b>	<b>(191.592.991.817)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(96.421.652.023)	(26.473.210.433)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(36.200.000)	(233.400.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		12.606.078.800	6.600.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	3.905.978.884	125.010.871
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(79.945.794.339)</b>	<b>(19.981.599.562)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**


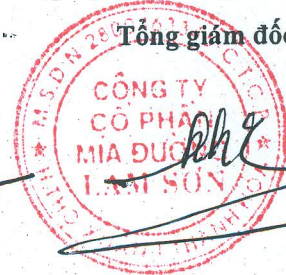
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		780.916.302.882	768.927.340.520
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(506.550.014.218)	(512.317.366.706)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(838.898.395)	(22.098.072.872)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>273.527.390.269</b>	<b>234.511.900.942</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(195.234.821.611)</b>	<b>22.937.309.563</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>210.793.475.252</b>	<b>15.320.762.221</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>15.558.653.641</b>	<b>38.258.071.784</b>

Lập ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Đỗ Thị Thanh Hà

Lê Thị Huệ

Lê Văn Phương

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO<sub>2</sub> (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.  
Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

#### 6. Tài sản cố định vô hình

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

##### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 35
Phần mềm quản lý	05 – 08

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

*Tiền thuê đất, thuê kho trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Trong kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

### **12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:**

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chi tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

### **13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **14. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

#### **17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	401.342.012	181.984.390
Tiền gửi ngân hàng	15.157.311.629	8.611.490.862
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	202.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>15.558.653.641</u></b>	<b><u>210.793.475.252</u></b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư, cho vay ngắn hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**4. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>93.402.822.442</u></b>	<b><u>120.379.236.215</u></b>

**5. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người trồng mía	289.322.000.000	163.509.353.832
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	72.290.916.817	47.698.220.309
<b>Cộng</b>	<b><u>361.612.913.871</u></b>	<b><u>211.207.574.141</u></b>

**6. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế TNCN	5.493.062	70.068.712
Phải thu BHXH của CBCNV	498.722.813	523.153.175
Phải thu của Công ty CP rượu VN-TĐ	8.504.060.306	8.504.060.306
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư tài chính	1.162.860.000	13.768.938.800
Tạm ứng	2.293.757.839	2.264.081.287
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	41.907.229.264	684.361.474
Các khoản phải thu khác	3.717.652.079	3.689.810.623
<b>Cộng</b>	<b><u>58.089.775.363</u></b>	<b><u>29.504.474.377</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(1.296.067.138)	(180.011.718)

**8. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	28.459.092.252	58.936.902.196
Công cụ, dụng cụ	573.007.666	775.564.681
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.811.508.646	39.887.016.489
Thành phẩm	328.792.880.326	18.191.483.286
Hàng hóa	2.214.158.620	2.388.918.420
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u><u>372.850.647.510</u></u></b>	<b><u><u>120.179.885.072</u></u></b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	12.850.565.618	25.481.590.201
<b>Cộng</b>	<b><u><u>12.850.565.618</u></u></b>	<b><u><u>25.481.590.201</u></u></b>

**10. Phải thu dài hạn khác:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	2.105.776.077	3.105.776.077
<b>Cộng</b>	<b><u><u>2.105.776.077</u></u></b>	<b><u><u>3.105.776.077</u></u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	373.489.329.793	1.830.428.354.449	58.246.082.809	22.282.605.127	533.390.000	2.284.979.762.178
Tăng trong kỳ						
<i>Mua sắm mới</i>		1.509.580.000	199.000.000			1.708.580.000
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	43.645.938.075	2.587.300.498				46.233.238.573
<i>Tăng khác</i>	8.875.091.646	8.383.319.008	846.638.504			18.105.049.158
Giảm trong kỳ						
<i>Giảm do chuyển theo dõi CCDC</i>						
<i>Giảm do phân loại lại</i>						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>426.010.359.514</b>	<b>1.842.908.553.955</b>	<b>59.291.721.313</b>	<b>22.282.605.127</b>	<b>533.390.000</b>	<b>2.351.026.629.909</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm	174.397.058.947	802.521.960.097	47.584.719.172	19.977.835.145	149.212.713	1.044.630.786.074
Tăng trong kỳ						
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	16.135.100.314	60.604.812.905	2.110.210.166	332.586.500	25.184.700	79.207.894.585
<i>Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL</i>						
<i>Tăng do phân loại lại</i>						
Giảm trong kỳ						
<i>Giảm do chuyển theo dõi CCDC</i>						
<i>Giảm do phân loại lại</i>						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>190.532.159.261</b>	<b>863.126.773.002</b>	<b>49.694.929.338</b>	<b>20.310.421.645</b>	<b>174.397.413</b>	<b>1.123.838.680.659</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	<b>199.092.270.846</b>	<b>1.027.906.394.352</b>	<b>10.661.363.637</b>	<b>2.304.769.982</b>	<b>384.177.287</b>	<b>1.240.348.976.104</b>
Số cuối kỳ	<b>235.478.200.253</b>	<b>979.781.780.953</b>	<b>9.596.791.975</b>	<b>1.972.183.482</b>	<b>358.992.587</b>	<b>1.227.187.949.250</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Giá trị lợi thế doanh nghiệp</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	5.563.580.614	9.032.479.718	-	14.596.060.332
Tăng trong kỳ do mua sắm		154.800.000		154.800.000
Tăng do phân loại lại				
Giảm trong kỳ(phân loại)				
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.563.580.614</b>	<b>9.187.279.718</b>		<b>14.750.860.332</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	261.057.510	7.835.799.070	-	8.096.856.580
Tăng trong kỳ do khấu hao	18.646.965	348.463.914	-	367.110.879
Khấu hao TSCĐ phức lợi				
Tăng do phân loại lại				
Giảm trong kỳ				
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>279.704.475</b>	<b>8.184.262.984</b>		<b>8.463.967.459</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
<b>Số đầu năm</b>	<b>5.302.523.104</b>	<b>1.196.680.648</b>	<b>-</b>	<b>6.499.203.752</b>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.283.876.139</b>	<b>1.003.016.734</b>		<b>6.286.892.873</b>

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Mua sắm TSCĐ</b>		-
<b>XDCB dở dang</b>	<b>81.844.391.820</b>	<b>60.021.949.769</b>
Dự án khu nhà làm việc, nhà ở CBNV	21.733.914.349	23.526.099.894
Dự án trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	30.161.090.391	22.056.826.940
Dự án khác	29.949.387.080	14.439.022.935
<b>Cộng</b>	<b>81.844.391.820</b>	<b>60.021.949.769</b>

**14. Đầu tư vào công ty con**

<b>Tên công ty con</b>	<b>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</b>		<b>Vốn đầu tư tại 30/06/2015</b>	
	<b>Theo g.phép</b>	<b>Thực góp</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	100%	100%	15.500.000	15.500.000.000
Công ty TNHH L.Sơn- Sao Vàng	100%	100%		21.396.593.886
Công ty CP Cơ giới NN Lam Sơn	55,83%	58,94%	1.004.950	10.049.500.000
Công ty CPĐT PT L.Sơn – B.Thước	58,33%	77,78%	1.050.000	10.500.000.000
Công ty CP Nông công nghiệp DVTM Vân Sơn	78,95%	78,95%	900.000	9.000.000.000
Trường cao đẳng nghề Lam Kinh				4.521.517.162
<b>Cộng</b>				<b>70.967.611.048</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 30/06/2015	
	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Du lịch Thanh Hoá	46,31%	46,31%	55.562	10.533.790.000
Công ty CP ĐTPT L.Sơn – N.Xuân	38,99%	40,05%	1.500.000	15.000.000.000
Công ty CP rượu V.Nam – T.Điện	38,39%	38,39%	2.150.000	21.500.000.000
<b>Cộng</b>				<b>47.033.790.000</b>

**16. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư trái phiếu		-		-
- Cho vay dài hạn		-		-
- Đầu tư dài hạn khác		15.490.700.000		15.490.700.000
+ Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	231.420	2.314.200.000	231.420	2.314.200.000
+ Công ty CP ĐTTM Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
+ Cổ phiếu MB Land	90.000	900.000.000	90.000	900.000.000
+ Công ty CP thương mại Lam Hà		2.276.500.000		2.276.500.000
<b>Cộng</b>		<b>15.490.700.000</b>		<b>15.490.700.000</b>

**17. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(10.069.270.864)	(10.185.697.059)
Dự phòng khoản lỗ của công ty liên kết	(23.546.076.681)	(23.101.107.033)
<b>Cộng</b>	<b>(33.615.347.545)</b>	<b>(33.286.804.092)</b>

**18. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	KC vào chi phí	
			SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí thuê đất	20.731.009.698	-	396.229.572	20.334.780.126
Chi phí quy hoạch khu CNC	5.375.569.484	1.807.520.380	261.273.812	6.921.816.052
TSCĐ chuyển CCDC chờ phân bổ	515.849.265	-	122.667.697	393.181.568
<b>Cộng</b>	<b>26.622.428.447</b>	<b>1.807.520.380</b>	<b>780.171.081</b>	<b>27.649.777.746</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****19. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người trồng mía	17.099.936.894	29.111.991.049
Phải trả nhà cung cấp tại VPCT	14.622.590.620	22.795.103.019
Phải trả Nhà cung cấp tại CNC	305.511.784	-
Phải trả Nhà cung cấp tại Nhà máy Gạch	422.374.810	-
<b>Cộng</b>	<b><u>32.450.414.108</u></b>	<b><u>51.907.094.068</u></b>

**20. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	8.900.764.000	330.604.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.900.764.000</u></b>	<b><u>330.604.000</u></b>

**21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.468.325.997	10.278.173.130	16.803.511.706	2.942.987.421
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-			
Thuế xuất, nhập khẩu	-			
Thuế TNDN	7.199.660.087	4.724.457.155	8.616.551.699	3.307.565.543
Thuế TNCN	-	1.512.727.411	1.512.727.411	-
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	200.821.913	-	200.821.913
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-			
Thuế khác	9.747.246	14.471.680	4.000.000	20.218.926
<b>Cộng</b>	<b><u>16.677.733.330</u></b>	<b><u>16.730.651.289</u></b>	<b><u>26.936.790.816</u></b>	<b><u>6.471.593.803</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngọn mía giống, sản phẩm rau củ quả	Không chịu thuế
Đường, mật rỉ	5%
Cồn	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Quý II năm 2015:

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>10.192.275.240</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	1.775.215.310
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.775.215.310
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế trước khi trích lập quỹ PTKHCN</b>	<b>11.967.490.550</b>
<b>Trích lập quỹ PT KHCN</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế sau khi trích lập quỹ KHCN</b>	<b>10.192.275.240</b>
<b>Thu nhập tính thuế sau khi trích lập quỹ PT KHCN</b>	<b>11.967.490.550</b>
<b>Thuế TNDN hiện hành (22%)</b>	<b>2.632.847.921</b>
<b>Thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>7.559.427.319</b>

**Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**22. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.203.056.258	747.616.549
Chi phí thu mua mía	5.491.481.462	376.373.401
Chi phí phải trả-Dự án hoàn thiện dây truyền nâng cao năng lực sản xuất đường luyện	-	1.716.640.000
Chi phí phải trả khác	24.568.404.360	1.318.370.082
<b>Cộng</b>	<b>31.262.942.080</b>	<b>4.159.000.032</b>

**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	1.264.445.075	601.049.009
Kinh phí công đoàn	1.646.119.325	1.385.981.437
Cổ tức phải trả	60.297.868	2.136.571.913
Phải trả cho người lao động về nghỉ dưỡng sức	64.012.620	66.025.120
Phải trả CNV về ốm đau, thai sản	111.332.842	70.243.163
Hoàn ứng	163.833.583	104.514.803
Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận	7.720.591.150	8.359.944.049
Bảo lãnh thực hiện HDLĐ	850.000.000	810.000.000
Các khoản phải trả khác	8.382.129.547	2.001.198.123
<b>Cộng</b>	<b>20.262.762.010</b>	<b>15.535.527.617</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****24. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay tổ chức khác	980.000.000	980.000.000
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	731.123.709.294	456.757.420.630
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>2.000.000.000</u>	<u>-</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>734.103.709.294</u></b>	<b><u>457.737.420.630</u></b>

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay PS trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn NH	456.757.420.630	780.916.302.882	506.550.014.218	731.123.709.294
Vay ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác	980.000.000			980.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	2.000.000.000		2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>457.737.420.630</u></b>	<b><u>782.916.302.882</u></b>	<b><u>506.550.014.218</u></b>	<b><u>734.103.709.294</u></b>

**25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	23.063.535.453	20.438.100.453
Quỹ phúc lợi	2.444.213.864	1.016.688.507
Quỹ phúc lợi HT TSCĐ	<u>43.808.767.880</u>	<u>45.009.393.452</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>69.316.517.197</u></b>	<b><u>66.464.182.412</u></b>

**26. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ dài hạn	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>2.000.000.000</u>

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền trả /giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay Công đoàn C.ty	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**27. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**28. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi sau thuế chưa phân phối</b>
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>180.276.411.784</b>	-	-	<b>481.266.276.800</b>	<b>61.857.463.123</b>	<b>62.420.449.114</b>
Tăng vốn trong năm	200.000.000.000	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	54.295.594.927
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	8.080.523.704	-	(2.560.745.839)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	3.943.881.310	1.971.940.655	(9.859.703.275)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	(72.500.000.000)
Các khoản khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>180.276.411.784</b>	-	-	<b>493.290.681.814</b>	<b>63.829.403.778</b>	<b>31.795.594.927</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>180.276.411.784</b>	-	-	<b>557.120.085.592</b>	-	<b>31.795.594.927</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	13.806.693.698
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	7.601.400.000	-	(13.031.000.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản khác	-	(100.000.000)	-	-	639.355.899	-	1.237.375.649
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>180.176.411.784</b>	-	-	<b>565.360.841.491</b>	-	<b>33.808.664.274</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.276.411.784
<b>Cộng</b>	<b><u>880.176.411.784</u></b>	<b><u>880.276.411.784</u></b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành BQ trong kỳ	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

**Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**29. Nguồn kinh phí**

<b>Số đầu năm</b>	<b>755.373.593</b>
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	188.800.000
Tăng khác (điều chỉnh số chi năm trước)	(394.200.000)
Giảm khác	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>549.973.593</u></b>

**30. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

<b>Số đầu năm</b>	<b>83.334.664</b>
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-
Khấu hao trong kỳ	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>83.334.664</u></b>

**31. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa nhận giữ hộ	19.459.985.000	229.150.860.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cộng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	<b>19.459.985.000</b>	<b>229.150.860.000</b>
<b>32. Nợ khó đòi đã xử lý</b>		
Số đầu năm		<b>1.565.227.263</b>
Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ		29.579.318
Nợ khó đòi đã được thu hồi được trong kỳ		-
Số cuối kỳ		<b>1.594.806.581</b>

**VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ II NĂM 2015:****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	Quý II	Quý II	Lũy kế từ đầu	Lũy kế từ đầu
	Năm nay	Năm trước	năm nay	năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>383.005.573.677</b>	<b>363.006.066.502</b>	<b>671.862.730.935</b>	<b>730.996.860.983</b>
Doanh thu bán hàng hóa			188.511.757	
Doanh thu bán thành phẩm	381.658.274.968	357.252.745.675	662.912.245.719	723.172.443.946
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	1.347.298.709	5.753.320.827	8.761.973.459	7.824.417.037
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>58.640.000.000</b>		<b>(702.144.900)</b>	
Doanh thu bán thành phẩm	58.640.000.000		(702.144.900)	
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>441.645.573.677</b>	<b>363.006.066.502</b>	<b>671.160.586.035</b>	<b>730.996.860.983</b>
Doanh thu bán hàng hóa			188.511.757	
Doanh thu bán thành phẩm	440.298.274.968	357.252.745.675	662.210.100.819	723.172.443.946
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác		5.753.320.827	8.761.973.459	7.824.417.037

**2. Giá vốn hàng bán**

	Quý II	Quý II	Lũy kế từ đầu	Lũy kế từ đầu
	Năm nay	Năm trước	năm nay	năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp				
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	399.866.622.671	306.460.131.518	588.714.346.382	621.798.155.921
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		1.859.547.015	7.862.087	1.860.213.899
Giá vốn của hàng bán khác	1.440.135.827	2.249.283.236	11.843.165.724	4.037.186.571
<b>Cộng</b>	<b>401.306.758.498</b>	<b>310.568.961.769</b>	<b>600.565.374.193</b>	<b>627.695.556.391</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	<b>Quý II Năm nay</b>	<b>Quý II Năm trước</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm nay</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm trước</b>
Lãi tiền gửi	583.535.007	40.159.563	1.865.471.164	72.760.871
Lãi tiền cho vay	1.063.999.979		2.040.507.720	52.250.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia				
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện				
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	107.310.557		113.093.838	
<b>Cộng</b>	<b>1.754.845.543</b>	<b>40.159.563</b>	<b>4.019.072.722</b>	<b>125.010.871</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Quý II Năm nay</b>	<b>Quý II Năm trước</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm nay</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm trước</b>
Chi phí lãi vay	10.290.011.729	14.688.886.458	17.286.936.326	26.724.720.481
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện				
Lỗ chênh lệch tỷ giá	473.858		873.218	375.000
Lỗ t lý các khoản đầu tư tài chính				
DP giảm giá các khoản đầu tư tài chính	328.543.453	3.310.149.951	328.543.453	3.545.348.701
Chi phí khác				4.022.139.500
<b>Cộng</b>	<b>10.619.029.040</b>	<b>17.999.036.409</b>	<b>17.616.352.997</b>	<b>34.292.583.682</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<b>Quý II Năm nay</b>	<b>Quý II Năm trước</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm nay</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm trước</b>
Chi phí nhân viên	1.538.678.707	1.476.934.471	3.371.703.415	3.299.545.308
Chi phí vật liệu, bao bì	8.269.025	47.618.142	19.510.217	91.526.938
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	(1.333.058.834)	34.618.627	98.551.877	624.336.673
Chi phí khấu hao TSCĐ	351.739.426	283.200.925	692.734.784	566.401.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.973.368.943	1.694.562.232	14.999.787.531	2.250.569.487
Chi phí bằng tiền khác	1.618.592.427	533.735.114	2.636.162.591	1.369.258.627
<b>Cộng</b>	<b>11.157.589.694</b>	<b>4.070.669.511</b>	<b>21.818.450.415</b>	<b>8.201.638.882</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Quý II Năm nay</b>	<b>Quý II Năm trước</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm nay</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.087.519.314	3.312.217.894	5.521.905.417	5.906.163.437
Chi phí vật liệu quản lý	31.197.817	31.411.032	52.310.818	130.538.848
Chi phí đồ dùng văn phòng	163.057.763	243.511.764	227.680.957	459.935.969

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	<b>Quý II Năm nay</b>	<b>Quý II Năm trước</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm nay</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm trước</b>
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.247.592.859	800.556.038	2.510.820.649	2.194.349.495
Thuế, phí và lệ phí	82.081.339	414.366.062	103.089.678	460.361.401
Chi phí dự phòng, trợ cấp	265.212.518	134.550.512	467.302.038	1.382.995.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.201.798.601	1.321.551.465	2.109.142.816	1.989.890.756
Quỹ đầu tư phát triển KH		4.718.705.090		4.718.705.090
Chi phí bằng tiền khác	2.146.993.916	1.980.135.672	4.182.539.476	3.452.329.233
<b>Cộng</b>	<b>8.225.454.127</b>	<b>12.957.005.529</b>	<b>15.174.791.849</b>	<b>20.695.269.601</b>

**7. Thu nhập khác**

	<b>Quý II Năm nay</b>	<b>Quý II Năm trước</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm nay</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm trước</b>
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản		1.721.334.497		1.721.334.497
Thu từ bán vật tư, phế liệu		143.352.272		143.352.272
Phạt vi phạm hợp đồng	1.500.000	11.200.000	6.900.000	18.700.000
Các khoản khác	(126.927.929)	68.124.903	1.271.218.306	185.249.698
<b>Cộng</b>	<b>(125.427.929)</b>	<b>1.944.011.672</b>	<b>1.278.118.306</b>	<b>2.068.636.467</b>

**8. Chi phí khác**

	<b>Quý II Năm nay</b>	<b>Quý II Năm trước</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm nay</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm trước</b>
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, t lý				
CP thanh lý vật tư, phế liệu				
Thuế bị phạt, bị truy thu	16.000.000	11.847.246	16.000.000	11.847.246
Các khoản khác	1.757.884.692	1.055.244.224	2.735.656.756	2.152.445.264
<b>Cộng</b>	<b>1.773.884.692</b>	<b>1.067.091.470</b>	<b>2.751.656.756</b>	<b>2.164.292.510</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

	<b>Năm nay</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.559.427.319
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.559.427.319
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	70.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>108</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:	
	<u>Năm nay</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	70.000.000
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>70.000.000</b>

**VII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>		
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		<b>30/06/2015</b>	<b>30/06/2014</b>
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	40,68	38,34
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	59,32	61,66
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	39,36	43,19
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	60,64	56,81
<b>Khả năng thanh toán</b>		<b>30/06/2015</b>	<b>30/06/2014</b>
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,54	2,32
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,09	1,21
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,05
<b>Tỷ suất sinh lời Quý II:</b>		<b>2015</b>	<b>2014</b>
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	2,74	5,47
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	2,04	4,20
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	2,76	5,49
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	2,06	4,22
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,76	1,80
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,57	1,38
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	<b>0,93</b>	<b>2,38</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

## 2. Công cụ tài chính

### Các loại công cụ tài chính của Công ty

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách kế toán			
	Tại ngày 30/06/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và tương đương tiền	15.558.653.641		210.793.475.252	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	153.598.373.882	(1.296.067.138)	150.041.043.908	(180.011.718)
Các khoản cho vay	79.866.967.860		8.504.060.306	-
Đầu tư ngắn hạn			-	-
Đầu tư dài hạn	15.490.700.000		15.490.700.000	-
	<b>264.514.695.383</b>	<b>(1.296.067.138)</b>	<b>376.325.219.160</b>	<b>(180.011.718)</b>

Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách kế toán	
	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 01/01/2015
Vay và nợ	734.103.709.294	459.737.420.630
Phải trả người bán, phải trả khác	52.713.176.118	80.814.676.830
Chi phí phải trả	31.262.942.080	4.159.000.032
	<b>818.079.827.492</b>	<b>544.711.097.492</b>

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài nên Công ty chưa có kế hoạch bán thanh lý hay thoái vốn các khoản đầu tư.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khách với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>				
Tiền và tương đương tiền	15.558.653.641			15.558.653.641
Phải thu khách hàng, phải thu khác	151.492.597.805	2.105.776.077		153.598.373.882
Các khoản cho vay	79.866.967.860			79.866.967.860
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn		15.490.700.000		15.490.700.000
	<b>246.918.219.306</b>	<b>17.596.476.077</b>	<b>-</b>	<b>264.514.695.383</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và tương đương tiền	210.793.475.252	-	-	210.986.392.056
Phải thu khách hàng, phải thu khác	146.281.366.365	3.105.776.077	-	149.387.142.442
Các khoản cho vay	8.504.060.306	-	-	8.504.060.306
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	15.490.700.000	-	15.490.700.000
	<b>365.578.901.923</b>	<b>18.596.476.077</b>	<b>-</b>	<b>384.368.294.804</b>

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>				
Vay và nợ	734.103.709.294			734.103.709.294
Phải trả người bán, phải trả khác	52.713.176.118			52.713.176.118
Chi phí phải trả	31.262.942.080			31.262.942.080
	<b>818.079.827.492</b>			<b>818.079.827.492</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
Vay và nợ	457.737.420.630	2.000.000.000	-	459.737.420.630
Phải trả người bán, phải trả khác	80.814.676.830	-	-	80.814.676.830
Chi phí phải trả	4.159.000.032	-	-	4.159.000.032
	<b>542.711.097.492</b>	<b>2.000.000.000</b>		<b>544.711.097.492</b>

Tính đến thời điểm 31/03/2015, mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 3. Báo cáo bộ phận

#### Theo lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Quý II năm 2015, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 383.005.573.677 đồng trong đó doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi là 363.497.243.101 đồng chiếm tỷ trọng 94,91%; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 5,09%. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu trong khi đó doanh thu các sản phẩm khác chiếm tỷ trọng chưa đến 10% tổng doanh thu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

#### Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### 4. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>
<b>Giao dịch mua hàng</b>			
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	31.807.907.467	44.082.481.890
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	32.857.707.299	35.611.259.255
Công ty TNHH Cơ giới No Lam Sơn	Công ty con	508.710.475	330.940.140
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	19.239.392.500	53.237.310.178
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	2.732.267.558	2.794.770.332
<b>Giao dịch bán hàng</b>			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	84.540.000	1.621.437.300
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	-	350.070.000
<b>Giao dịch khác</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	-	4.022.139.500
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	89.926.012.844	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

<b>Mối quan hệ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
--------------------	-------------------	-------------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	79.866.967.860	81.123.992.391
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	-	7.653.070.808
Công ty TNHH Cơ giới NN Lam Sơn	Công ty con	4.183.809.524	6.574.900.000
Công ty CN DV TM Vân Sơn	Công ty con	4.004.325.802	513.537.475
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	17.940.218.475	-
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết		56.583.243.110
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty TNHH Cơ giới NN Lam Sơn	Công ty con	2.178.930.000	2.178.930.000
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
<b>Phải thu dài hạn khác</b>			
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	2.105.776.077	3.105.776.077
<b>Phải trả ngắn hạn người bán</b>			
Công ty TNHH Cơ giới NN Lam Sơn	Công ty con	3.763.494.158	23.220.930
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	-	1.378.180.054

**5. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ:**

Lợi nhuận sau thuế Quý II năm 2015 đạt 7.559.427.319 đồng giảm (6.270.493.114) đồng so với cùng kỳ. Tương đương giảm 45.3% so với cùng kỳ năm 2014 là do các nguyên nhân sau:

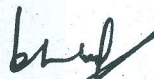
- Mặc dù doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 78,6 tỷ đồng nhưng giá vốn hàng bán tăng 90,7 tỷ đồng đã làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 12 tỷ so với cùng kỳ năm 2014.
- Chi phí tài chính giảm 7,3 tỷ và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 4,7 tỷ đồng so với cùng kỳ nhưng do ngành đường thời gian qua tiêu thụ gặp nhiều khó khăn nên Công ty đã đẩy mạnh công tác bán hàng, chi phí bán hàng tăng 7 tỷ đồng so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, do gặp nhiều khó khăn trong công tác tiêu thụ hàng hóa nên chi phí bán hàng trong kỳ tăng 6,5 tỷ đồng so với Quý I/2014.

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 10 tháng 08 năm 2015

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương